

# ĐẠO ĐỨC HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ TRUYỀN THỐNG MỤC ĐÍCH LUẬN

NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG<sup>(\*)</sup>

*Trong bài viết này, tác giả đã luận giải một cách khái lược sự hình thành của đạo đức học môi trường. Theo tác giả, đạo đức học môi trường ra đời trước hết do nhu cầu thực tiễn - việc giải quyết các vấn nạn môi trường, đồng thời dựa trên cơ sở kế thừa những lý luận đạo đức truyền thống nhất định. Bài viết cũng luận giải nhằm làm rõ mục đích luận với tính cách một phần cơ sở lý luận của đạo đức học môi trường phương Tây.*

Nhà nghiên cứu, tranh luận, mặc dù trên thực tế chúng ta đã và đang xây dựng, định hướng cộng đồng tới những nội dung của đạo đức môi trường. Qua việc giới thiệu sơ lược về đạo đức học môi trường với tư cách một nhánh của đạo đức học ứng dụng trong dòng chảy của triết học phương Tây hiện nay và truyền thống mục đích luận như một trong những lý thuyết triết học có ảnh hưởng đáng kể đến đạo đức học môi trường, bài viết này mong muốn góp phần làm sáng tỏ hơn vấn đề đạo đức học môi trường và một trong những cơ sở lý luận của nó.

Hà nay, trên thế giới, thuật ngữ đạo đức môi trường hay đạo đức học môi trường (Environmental ethics)(1) đang trở nên khá quen thuộc. Nó không chỉ là thuật ngữ được các nhà lý luận sử dụng trong các tranh luận học thuật, mà còn được sử dụng trong các hội nghị Thượng đỉnh và các tuyên bố quốc tế về môi trường. Hơn thế, nó còn được sử dụng rộng rãi trong xã hội và trở thành một môn học tại các trường học của nhiều quốc gia. Thực tế này chứng tỏ rằng, đạo đức môi trường ngày nay không còn là lĩnh vực riêng, chỉ nhận được sự luận bàn của các nhà nghiên cứu mà nó đã đi vào cuộc sống, trở thành một trong những vấn đề mà người ta phải tính đến khi đánh giá hành vi của một cá nhân hay một nhóm xã hội, cộng đồng trong quan hệ với môi trường. Đối với Việt Nam, thuật ngữ đạo đức môi trường còn khá mới mẻ, hầu như mới chỉ xuất hiện trong các công trình

nghiên cứu, tranh luận, mặc dù trên thực tế chúng ta đã và đang xây dựng, định hướng cộng đồng tới những nội dung của đạo đức môi trường. Qua việc giới thiệu sơ lược về đạo đức học môi trường với tư cách một nhánh của đạo đức học ứng dụng trong dòng chảy của triết học phương Tây hiện nay và truyền thống mục đích luận như một trong những lý thuyết triết học có ảnh hưởng đáng kể đến đạo đức học môi trường, bài viết này mong muốn góp phần làm sáng tỏ hơn vấn đề đạo đức học môi trường và một trong những cơ sở lý luận của nó.

(\*) Tiến sĩ, Phó trưởng phòng Triết học trong khoa học công nghệ và môi trường, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Trong triết học phương Tây hiện nay, thuật ngữ "environmental ethics" được dùng cho cả hai trường hợp - với tư cách là một lý luận đạo đức hoặc với tư cách là lĩnh vực nghiên cứu; bởi vậy, tùy văn cảnh mà chúng ta hiểu theo nghĩa tiếng Việt là "đạo đức, môi trường" hay "đạo đức học môi trường" (TG).

## 1. Về đạo đức học môi trường

*Đạo đức học môi trường* là thuật ngữ xuất hiện chừng hơn ba thập niên trở lại đây<sup>(2)</sup>. Xung quanh thuật ngữ này còn có nhiều tranh luận, song về cơ bản đạo đức học môi trường nghiên cứu mối quan hệ đạo đức giữa con người với tự nhiên với tư cách môi trường sống của con người; từ đó, xác lập những chuẩn mực quy định hành vi cư xử của con người với giới tự nhiên.

Đạo đức học môi trường ra đời trước hết do nhu cầu cấp bách của thực tiễn, đó là việc giải quyết những vấn nạn môi trường, như cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường sống, sa mạc hóa đất đai hay biến đổi khí hậu... Những vấn nạn môi trường thu hút sự quan tâm của không chỉ những người dân bình thường, mà của cả những người làm công tác khoa học, hoạch định chính sách, quản lý... Ngày nay, khi bảo vệ môi trường được coi là yêu cầu mới của thời đại đối với phẩm chất của con người và hành vi hủy hoại môi trường bị coi là vi phạm chuẩn mực đạo đức thì sự phát triển của đạo đức môi trường ngày càng được coi trọng.

Về mặt lý luận, có thể xem đạo đức học môi trường như là một cố gắng của các nhà triết học nhằm góp phần xác định những cơ sở cho hành vi của con người trong ứng xử với tự nhiên. Hơn thế, từ góc độ triết học, nó muốn truy tìm đến nguồn gốc của những quan niệm đạo đức, những quy chuẩn

đạo đức của nhánh đạo đức học ứng dụng này. Vì vậy, trong chừng mực nhất định, từ phương diện nhận thức, có thể thấy đạo đức môi trường góp phần giúp con người hiểu được những căn nguyên tinh thần của cuộc khủng hoảng sinh thái.

Đạo đức học môi trường gồm hai phương diện: *thứ nhất*, nó cố gắng ứng dụng những lý thuyết đạo đức vào trong một lĩnh vực cụ thể của thực tiễn, với tham vọng tác động đến hành vi ứng xử, hình thành nên các quy tắc ứng xử mới của các cá nhân; đồng thời, tác động đến việc ra quyết định hay hình thành chính sách của các thể chế. *Thứ hai*, đạo đức học môi trường được nhìn nhận như một sự mở rộng chủ thể đạo đức sang các lĩnh vực khác, cụ thể là mở rộng chủ thể đạo đức sang các sinh thể của giới tự nhiên.

Về cơ bản, chức năng của đạo đức học môi trường là thỏa mãn yêu cầu bảo vệ môi trường từ phương diện đạo đức. Cụ thể là xác lập những cơ sở đạo đức cho việc đưa ra những quy chuẩn của hành vi, từ đó xây dựng nên một bộ quy tắc định hướng cho hành vi của con người trong quan hệ với tự nhiên nhằm giảm thiểu những tác hại môi trường do chính con người gây ra.

(2) Về thời điểm, có thể xem thuật ngữ "đạo đức học môi trường" chính thức được sử dụng năm 1979 bởi Eugene C.Hargrove khi ông thành lập tạp chí "Đạo đức học môi trường". Tên của tạp chí đã trở thành tên của lĩnh vực khoa học này (xem: *A Very Brief History of the Origins of Environmental Ethics for the Novice*; <http://www.cep.unt.edu/novice.html>).

Đạo đức học môi trường là một nhánh nghiên cứu độc lập xuất hiện trước hết ở phương Tây. Những nghiên cứu lý luận liên quan đến đạo đức môi trường thực sự bắt đầu vào những năm cuối thập niên 60 của thế kỷ XX. *The Land Ethics* trong Tập san *A Sand County Almanac* của A. Leopold được xuất bản tại Mỹ năm 1949 được coi là ấn phẩm quan trọng đánh dấu bước khởi đầu của lĩnh vực nghiên cứu này. Song, phải hơn 20 năm sau, khi được xuất bản lần thứ hai (1970) nó mới thực sự được các nhà triết học chú ý. Trong tác phẩm này, lần đầu tiên, Leopold khẳng định gốc rễ sâu xa của các cuộc khủng hoảng sinh thái là triết học, tức có nguồn gốc từ nhận thức của con người.

Sự phát triển của đạo đức học môi trường tiếp sau đó được đánh dấu bởi công trình của các tác giả khác mà các nghiên cứu của họ đã làm nên một nhánh nghiên cứu đạo đức ứng dụng mới, ra đời từ chính cuộc khủng hoảng sinh thái hiện đại đang diễn ra, và đi kèm với nó là nhu cầu đòi hỏi con người phải ý thức được một cách sâu sắc về môi trường mà con người đang sống và tồn tại. Sự phát triển của đạo đức học môi trường đã dẫn đến sự hình thành một số dòng chính, như *Sinh thái học bề sâu (Deep ecology)* với các đại diện như Arne Naess, George Sessions, Bill DeVall, Warwick Fox.; *Nam nữ bình quyền sinh thái (Ecofeminism)* với các đại diện như Karen Warren, Val Plumwood; và

*Sinh thái học xã hội (Social Ecology)* với đại diện là Murray Bookchin,... Về mặt lý luận, mỗi phong trào trong số này chịu ảnh hưởng của những quan điểm đạo đức khác nhau, chẳng hạn: *Đạo đức học lấy con người làm trung tâm (Anthropocentric = 'Human-centered' Ethics)*, *Đạo đức học lấy phi con người làm trung tâm (Nonanthropocentric ethics)*, hay *Đạo đức học toàn thể (Holistic ethics)*. *Đạo đức học lấy con người làm trung tâm* cho rằng, chỉ có con người mới có giá trị đạo đức và trách nhiệm của chúng ta đối với môi trường tự nhiên chỉ mang tính gián tiếp. Theo đó, cái trách nhiệm của chúng ta về giới tự nhiên tuy có nhưng không phải là trách nhiệm trực tiếp. *Đạo đức học lấy phi con người làm trung tâm* cho rằng, con người phải có trách nhiệm trực tiếp đối với giới tự nhiên hơn là chỉ có trách nhiệm với chính bản thân mình. Quan điểm này cho rằng mọi khách thể tự nhiên, mọi sinh thể đều có giá trị đạo đức. Do đó, nó mở rộng phạm vi xem xét những nguyên tắc đạo đức chuẩn mực đến các khách thể tự nhiên phi con người, như cách cư xử của con người với động vật hay sự đe dọa tuyệt chủng các loài thực vật và động vật. *Đạo đức học toàn thể* thì cho rằng, chúng ta phải có trách nhiệm với những toàn thể (wholes), cụ thể là một tập hợp các cá thể trong quần thể, thay vì chỉ quan tâm đến những cá thể cấu thành nên những toàn thể, như các loài, dân số, hay các hệ sinh

thái. Đạo đức học môi trường chịu ảnh hưởng của đạo đức học toàn thể cho phép có thể săn bắt một cách có chọn lọc những loài động vật nhất định trong chừng mực số lượng loài đó chưa bị nguy hiểm. Hoặc nó coi việc một cá nhân có quyền được chấm dứt sự đau đớn của mình là hợp lý đối với các cá nhân đó, mặc dù có thể điều đó không hợp lý đối với tập thể(3)...

Những quan điểm đạo đức trên dẫn đến sự hình thành một số khuynh hướng chính trong sự phát triển của đạo đức học môi trường, như *Đạo đức học duy sinh vật (Biocentric Ethics)*, *Đạo đức học duy môi trường (Environmentcentric Ethics)* hay *Đạo đức học duy sinh thái (Ecocentric Ethics)*(4).

Nhìn chung, đạo đức học môi trường với tư cách một nhánh triết học ứng dụng cũng là đạo đức học ứng dụng ở phương Tây cho rằng, cần phải mở rộng phạm vi của các chủ thể đạo đức, mở rộng cộng đồng đạo đức ra ngoài giới hạn quan hệ giữa người với người, đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Nhưng mở rộng như thế nào thì mỗi khuynh hướng lại có một cách trả lời khác nhau. Ở đây, có thể thấy, dù xuất phát từ những cơ sở lý luận đạo đức học và triết học khác nhau, song hầu hết các trường phái trong đạo đức học môi trường đều có một điểm chung, coi *đạo đức môi trường là một sự đánh giá mang tính hệ thống các mối quan hệ đạo đức giữa con người và môi trường tự*

*nhiên xung quanh con người*. Đạo đức học môi trường khẳng định rằng, những chuẩn mực đạo đức thực sự tồn tại và thống trị, chi phối hành vi của con người trong quan hệ với giới tự nhiên. Vì thế, một lý thuyết về đạo đức môi trường cần thiết phải lý giải xem những chuẩn mực đó là gì, con người phải có trách nhiệm với ai, với cái gì và cụ thể hơn nó phải chỉ ra những trách nhiệm đó là nhu thế nào. Đạo đức học môi trường lấy đối tượng nghiên cứu là quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, cụ thể là hành vi cư xử của con người đối với giới tự nhiên. Song, rõ ràng, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với tự nhiên cho thấy đằng sau đó là mối quan hệ giữa con người với con người.

Từ một số nét sơ lược trên, có thể thấy đạo đức học môi trường không hình thành trên mảnh đất trống không; trái lại, nó được hình thành trên cơ sở kế thừa những lý luận đạo đức truyền thống nhất định, mặc dù sự kế thừa này không hoàn toàn mang tính tự giác và thuần nhất. Đạo đức học môi trường ngày nay phát triển theo nhiều khuynh hướng. Tuy cùng nhắm tới mục tiêu góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng các chuẩn mực đạo đức của con người trong ứng

(3) *Environmental Ethics - An introduction to environmental philosophy*, Joseph R.Des Jardins, College of Sain Benedict, Second Edition, Wadsworth Publishing Company,1997, see p.10

(4) Xem: Nguyễn Văn Phúc. *Bảo vệ môi trường từ góc độ đạo đức*, Tạp chí Triết học, số 4, 2010.

xử với tự nhiên, song các khuynh hướng đó lại có những quan điểm và lập luận riêng, thậm chí chưa thống nhất với nhau ở nhiều điểm. Nguyên nhân là do đạo đức môi trường chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những lý thuyết đạo đức cụ thể khác nhau. Bởi vậy, để hiểu được cội nguồn của những lý thuyết đạo đức môi trường hiện đại, thì điều cần thiết là phải truy tìm nguồn gốc lý luận của nó. Ở đây, chúng tôi chỉ xem xét truyền thống mục đích luận - một lý thuyết có ảnh hưởng khá rộng đến sự phát triển những tư tưởng triết học nói chung, cũng như những tư tưởng đạo đức của phương Tây nói riêng. Đó cũng là một trong những lý thuyết có ảnh hưởng mạnh đến đạo đức học môi trường ở phương Tây hiện nay.

## **2. Mục đích luận - một phần cơ sở lý luận của đạo đức học môi trường phương Tây.**

Một trong những truyền thống đạo đức lâu đời nhất có ảnh hưởng mạnh đến đạo đức học môi trường là *mục đích luận* (teleology), còn gọi là *luật tự nhiên*. Trong số các quan điểm đạo đức liên quan đến truyền thống này, phải kể đến hai đại diện điển hình là Aristotle (thế kỷ IV TCN.) và Thomas Aquinas (thế kỷ XIII).

Chúng ta biết rằng, Aristotle không phân biệt đạo đức và khoa học rõ ràng như ngày nay chúng ta vẫn phân biệt. Ông cho rằng, trong khoa học thì nghiên cứu sinh học và tâm lý học là một phần cơ bản của đạo đức học, bởi

nó đòi hỏi tri thức về những nhu cầu cơ bản, những khả năng và tiềm năng nói chung và cả động cơ của con người. Hơn thế, Aristotle còn đặt sinh học ở vị trí hàng đầu của tri thức. Việc đánh giá, nhìn nhận vị trí của sinh học và đạo đức học như vậy là một trong những lý do khiến truyền thống đạo đức này có những ảnh hưởng đáng kể đến việc nhìn nhận, đánh giá những vấn đề môi trường.

Đối với Aristotle, nhận thức đầy đủ một cái gì đó có nghĩa là phải nhận thức được *những nguyên nhân* mà để tồn tại, nó phải theo cách như vậy. Trên cơ sở những quan sát của mình về tự nhiên, ông tin rằng tất cả mọi sự vật đều hoạt động tự nhiên và có chức năng riêng biệt. Mục đích của hoạt động này là *telos* (*tính hướng đích*) của khách thể. Aristotle quan niệm mỗi vật đều có cái tiền định của nó, đều mang trong nó nhân tố tích cực đề ra mục đích, linh hồn, *entelecheia*); đồng thời, mọi mục đích của tự nhiên đều tuân theo một mục đích tối cao, được bao hàm trong một sự hài hòa toàn thế giới. Vì thế, khoa học và đạo đức của Aristotle thường được coi là mang tính *mục đích luận* (*teleological*). Theo ông, chúng ta chỉ có thể nhận thức đầy đủ về một khách thể nào đó khi đã hiểu chức năng tự nhiên và hoạt động của nó.

Aristotle tin rằng cái khuôn mẫu mục đích luận này có thể ứng dụng được cho tất cả các khách thể tự nhiên, kể cả con người. Mọi sự vật đều

có chức năng và hoạt động tự nhiên. Các sự vật là tốt khi chúng hoàn thành chức năng này và hiện thực hóa khả năng tiềm tàng của mình.

Hệ thống mục đích luận của Aristotle được phát triển hơn nữa trong các tác phẩm của Thomas Aquinas. Thomas Aquinas đã cố gắng tổng hợp thần học Thiên chúa giáo và khoa học cũng như đạo đức học của Aristotle. Ông cắt nghĩa mục đích luận khoa học và đạo đức của Aristotle như là chứng cứ có một kế hoạch thần thánh tồn tại và điều khiển trong giới tự nhiên. Hoạt động đặc trưng của tất cả các khách thể tự nhiên chỉ là kết quả từ kế hoạch và mục đích của Thượng đế. Bởi vì, Thượng đế là lợi ích, là cái thiện cao nhất và mục đích được phát hiện trong giới tự nhiên là mục đích của Thượng đế. Ở đây, *trật tự tự nhiên được đồng nhất với trật tự đạo đức*. Bản thân tự nhiên có mục đích và sự hài hòa của tự nhiên cho ta thấy lòng tốt trong kế hoạch của Thượng đế. Trong lý luận này, luật tự nhiên bao gồm cả những quy tắc, chuẩn mực mang tính đạo đức mà chúng ta phát hiện ra trong tự nhiên. Vì những quy tắc này là một phần trong kế hoạch của Thượng đế, nên về mặt đạo đức, chúng ta phải tuân theo những quy tắc đó. Trong truyền thống đạo đức đó, việc hiện thực hóa tiềm năng tự nhiên - một tiềm năng trong sự hài hòa với phần còn lại của giới tự nhiên - là hình thức cao nhất của hoạt động

đạo đức đối với mỗi cá nhân.

Truyền thống mục đích luận nói trên ảnh hưởng mạnh đến môi trường luận hiện đại. Trên quan điểm của mục đích luận, nhiều nhà môi trường luận cho rằng hệ sinh thái tự nhiên được tổ chức rất hoàn hảo và hài hòa. Tất cả các bộ phận của hệ thống sinh thái, đặc biệt là tất cả các thành viên sống của nó, đều có một vị trí xác định trong hệ thống. Mỗi thành viên đều có đóng góp vào trật tự tự nhiên theo cách riêng của nó. Trật tự tự nhiên là hoàn hảo và do vậy, không nên làm xáo trộn trật tự đó. Những vấn đề sinh thái học và môi trường sẽ nảy sinh khi con người can thiệp vào trật tự tự nhiên và cư xử với các khách thể tự nhiên chỉ nhằm phục vụ cho những mục đích nhất định của mình. Theo đó, con người không nên can thiệp vào giới tự nhiên. Quan điểm đạo đức này ảnh hưởng rất lớn đến việc ra chính sách về môi trường dưới dạng quan điểm của chủ nghĩa bảo thủ và phi can thiệp.

Một số nhà môi trường luận khác lại nhấn mạnh đến hiện trạng đạo đức của các sinh vật sống và đặt hiện trạng đó vào thực tế là mỗi sinh vật sống đều có lợi ích của chính nó (giá trị nội tại). Quan điểm này có nguồn gốc từ lập luận về thứ bậc đạo đức của Aristotle, khi ông cho rằng con người "cao hơn" các loài động vật, còn động vật lại "cao hơn" thực vật, nhưng vẫn tin là tất cả các sinh vật sống đều có lợi ích của riêng mình (vì nó). Lợi ích

ấy độc lập với lợi ích và sự sử dụng lợi ích của con người. Bởi vậy, phải tôn trọng sự sống của tất cả các sinh vật. Điển hình cho quan điểm này là quan điểm đạo đức lấy sinh thể làm trung tâm (biocentrism).

Tuy nhiên, những quan niệm mang tính mục đích luận trong đạo đức học môi trường ngày nay đã vấp phải khá nhiều ý kiến phản bác. Sự phản bác thứ nhất phủ nhận quan điểm của mục đích luận cho rằng mọi khách thể tự nhiên đều có một sự xác định và mục đích cụ thể nào đó. Dĩ nhiên, một số *bộ phận* của toàn bộ giới tự nhiên có những chức năng nhất định, nhưng chúng chỉ có một mục đích duy nhất theo nghĩa là chúng đóng góp chức năng cho cái toàn thể. Vì thế, nếu chỉ dựa vào đó để khẳng định những toàn thể này có một mục đích là không đúng. Các nhà triết học và khoa học hiện đại cho rằng, chúng ta có thể hiểu và lý giải được đầy đủ các khách thể tự nhiên mà không cần phải giả định đến một mục đích hay kế hoạch nào đó (của Thượng đế).

Sự phản bác thứ hai thì phủ nhận rằng chúng ta có thể kết luận một cái gì đó đơn giản là tốt, bởi nó là tự nhiên. Nói cách khác, nó phản bác quan điểm của mục đích luận coi tất cả những gì do tự nhiên sáng tạo ra đều là hữu ích, là tốt. Sở dĩ như vậy là vì, một số sự kiện tự nhiên dường như lại là cái ác, chẳng hạn sự đau đớn và sự chịu đựng có nguyên nhân bởi cái chết, bệnh tật và những thảm họa

thiên nhiên. Lập luận này đã phản bác một cách hiệu quả quan điểm của mục đích luận về đáng sáng tạo toàn năng và thần thánh.

Ngày nay, khoa học tiến hóa hiện đại đã cung cấp những chứng cứ đầy ý nghĩa phản bác lại quan điểm của mục đích luận này. Quá trình chọn lọc tự nhiên cho thấy, tự nhiên tiến hóa không phải dưới bất kỳ mục đích nào hay sự định hướng có mục đích nào. Trật tự tự nhiên không bắt nguồn từ một kế hoạch thần thánh, mà từ quá trình trong đó các loài tự thích nghi với môi trường sống, thông qua đột biến ngẫu nhiên và chọn lọc tự nhiên. Theo quan điểm này, tự nhiên mà chúng ta thấy ngày nay là kết quả của những biến đổi, tiến hóa qua hàng trăm triệu năm. Như vậy, *tự nhiên không tốt cũng không xấu; nó chỉ tồn tại chính xác là như vậy.*

Truyền thống mục đích luận cung cấp một khuôn mẫu tư duy và những lập luận về mối quan hệ giữa tự nhiên và đạo đức. Tuy vậy, giống như các truyền thống đạo đức khác, nó vẫn vấp phải những thách thức triết học cả trong quá khứ lẫn hiện tại. Sự phân tích một cách khái lược những vấn đề này giúp chúng ta có thể đánh giá được những lý do khi xem xét những quan điểm khác nhau từ các lý thuyết đạo đức truyền thống được ứng dụng vào giải quyết những vấn đề môi trường hiện đại.

Theo chúng tôi, các lý thuyết đạo đức là sự luận bàn về mối quan hệ

giữa con người với nhau. Song, trước những vấn đề môi trường mà con người đang phải đối mặt, đạo đức học môi trường cố gắng mở rộng đối tượng đạo đức từ chỗ chỉ là con người ra toàn bộ sinh thể. Chẳng hạn, J. Band Callicott (1989) và Holmes Rolston đã mở rộng quyền đạo đức đến những cá thể sống. Họ cho rằng, chúng ta phải mở rộng nghĩa vụ đạo đức tới toàn bộ các hệ sinh thái(5). Quan điểm này hình thành do ảnh hưởng trực tiếp từ quan điểm của sinh thái học, mà sinh thái học lại tìm thấy sự tương đồng của mình trong những quan niệm về giới tự nhiên của mục đích luận. Quan điểm trên cũng giữ một vị trí đáng kể trong các cuộc tranh luận của đạo đức học môi trường. Vì thế, dễ nhận thấy là mặc dù các tranh luận xung quanh vấn đề này xuất phát từ sự phong phú có tính chất siêu hình, song trên thực tế, những tranh luận đó lại chịu ảnh hưởng bởi những quan niệm của sinh thái học. Đại diện cho khuynh hướng này là những người đưa ra lập luận về giá trị nội tại (intrinsic value) trong nghiên cứu đạo đức môi trường (đạo đức học truyền thống của phương Tây cho rằng đối tượng đạo đức là con người, mà chỉ có đối tượng đạo đức mới có giá trị đạo đức và do đó, chỉ có con người mới có giá trị đạo đức). Đây cũng là lý do vì sao khi chịu ảnh hưởng của sinh thái học những nhà đạo đức học môi trường đã mở rộng đối tượng đạo đức ra toàn bộ sinh thể và coi mọi sinh thể đều có giá trị đạo

đức. Ngay chính các nhà triết học theo khuynh hướng này cũng chưa thống nhất với nhau về tính chất của giá trị nội tại (giá trị nội tại khách quan hay giá trị nội tại chủ quan)(6)...

Những phân tích trên đây cho thấy, quan điểm của mục đích luận rằng con người cần phải tôn trọng tự nhiên theo nghĩa phải tôn trọng sự sống của mọi loài trên thế giới bất kể vì lý do gì là một quan điểm thiếu thực tế. Điểm tích cực của quan điểm này nằm ở chỗ, nó coi tự nhiên là hoàn thiện, hoàn mỹ và tốt nhất là không nên can thiệp vào tự nhiên, phá vỡ sự hài hòa của tự nhiên. Tuy nhiên, con người không thể tồn tại nếu tách biệt khỏi tự nhiên. Với tư cách một mắt xích của giới tự nhiên, con người tất yếu phải in dấu ấn của mình vào tự nhiên, tác động đến các sinh thể khác để tồn tại và phát triển. Vấn đề đặt ra là, sự tác động của con người vào tự nhiên phải như thế nào để đảm bảo sự tồn tại của bản thân mình cũng như sự tồn tại của các sinh thể khác trong hệ thống. Đó chính là những gì mà đạo đức môi trường cần phải giải quyết. Mục đích luận chỉ cho thấy căn nguyên của một trong những quan niệm của đạo đức học môi trường, mà chưa chỉ ra được toàn bộ bức tranh đó. □

(5) Xem: *Gregory Cooper*; "Teodology and Environmental Ethics".

(6) Về giá trị nội tại và giá trị công cụ, xin xem thêm: *D. Schmidtz, E. Willott. Environmental Ethics*, Oxford University press, 2002, p. xiii-xvi.